

## ĐỀ CƯƠNG ĐỊA 10 HK2

### 1. Vai trò của công nghiệp:

- ❖ Đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân
- ❖ Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác, củng cố an ninh quốc phòng
- ❖ Tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, làm thay đổi sự phân công lao động, giảm thiểu sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng
- ❖ Tạo ra nhiều sản phẩm mới, mở rộng sản xuất, thị trường lao động, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập

✚ *Do công nghiệp có vai trò quan trọng như vậy nên 1 nước ( như nước ta ) muốn có trình độ kinh tế phát triển cao cần phải làm gì ?*

=> Các nước đang phát triển muốn có trình độ kinh tế phát triển cao cần phải tiến hành công nghiệp hóa đất nước ( xây dựng phát triển các ngành công nghiệp ) => ( Công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở nông nghiệp sang 1 nền kinh tế về cơ bản dựa trên 1 nền sản xuất công nghiệp)

✚ *Vì sao để đánh giá trình độ phát triển của một nước phải dựa vào tỷ trọng đóng góp của công nghiệp trong GDP và trình độ công nghiệp hóa ?*

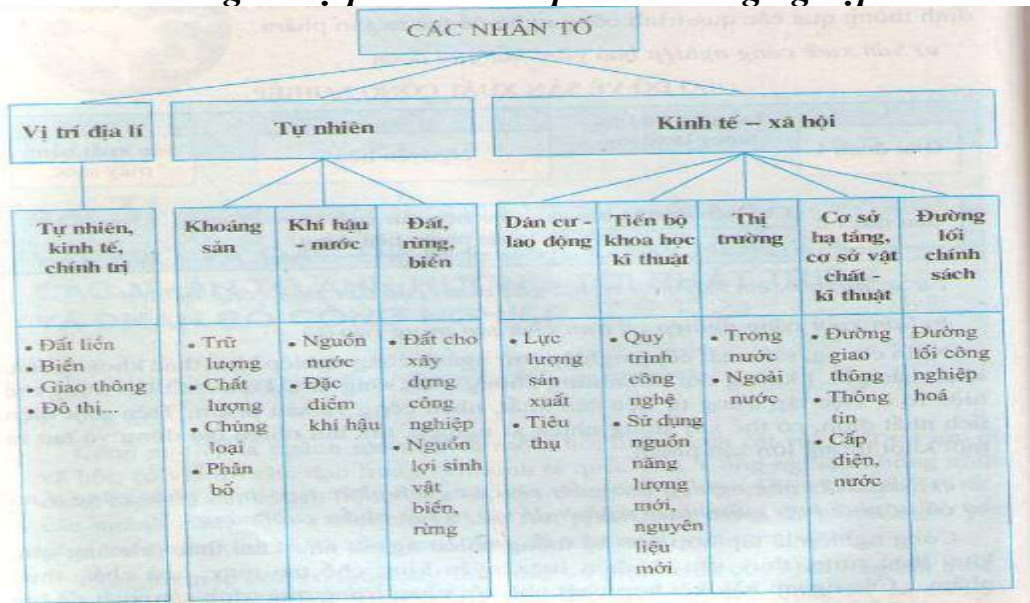
⇒ Vì công nghiệp là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế một nước .

### 2. Đặc điểm của công nghiệp

- ❖ Sản xuất công nghiệp gồm 2 giai đoạn:
  - Giai đoạn 1: tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu
  - Giai đoạn 2: chế biến nguyên liệu để tạo ra tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng
- ❖ Sản xuất công nghiệp có tính chất tập trung cao độ:
  - Nhìn chung sản xuất công nghiệp không đòi hỏi những không gian rộng lớn.
  - Tính chất tập trung thể hiện rõ ở việc tập trung tư liệu sản xuất, nhân công và sản phẩm.
  - Trên 1 diện tích nhất định, có thể xây dựng nhiều xí nghiệp, thu hút nhiều lao động và tạo ra 1 khối lượng lớn sản phẩm.
- ❖ Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự kết hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng
  - Công nghiệp là tập hợp hệ thống nhiều ngành
  - Các ngành này kết hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm.
  - Trong từng ngành công nghiệp, qui trình sản xuất cũng hết sức chi tiết và chặt chẽ.
  - Chính vì vậy các hình thức chuyên môn hóa, hợp tác hóa, liên hợp hóa có vai trò đặc biệt trong sản xuất công nghiệp
- Đối tượng lao động là bộ phận của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó theo mục đích của mình. => Đối tượng lao động có sẵn trong tự nhiên
- ✚ *Khác với nông nghiệp, vì sao sản xuất công nghiệp bao gồm 2 giai đoạn?*
- ⇒ Sở dĩ sản xuất công nghiệp bao gồm 2 giai đoạn là vì đối tượng lao động của công nghiệp là các khoáng sản nằm sâu trong lòng đất, các thủy sản nằm ở lòng đại dương nên phải khai thác nguyên liệu rồi mới chế biến.

- ✚ Cho biết sự khác biệt của sản xuất công nghiệp so với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp?
- ❖ Sản xuất công nghiệp:
  - Sản xuất công nghiệp bao gồm hai giai đoạn: giai đoạn tác động vào đối tượng lao động là môi trường tự nhiên để tạo ra nguyên liệu và giai đoạn chế biến nguyên liệu đó thành tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng.
  - Sản xuất công nghiệp có tính chất tập trung cao độ.
  - Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.
- ❖ Đặc điểm sản xuất nông nghiệp:
  - Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.
  - Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là các cây trồng và vật nuôi.
  - Sản xuất nông nghiệp có tính thời vụ.
  - Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
  - Trong nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa.

### 3. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp



Nhân tố	Ảnh hưởng
<b>Vị trí địa lý</b>	- Lựa chọn địa điểm xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, khu CN, khu chế xuất.
<b>Tự nhiên</b>	- Là nhân tố quan trọng cho sự phát triển và phân bố CN - Quy mô, cơ cấu, phân bố, hình thức tổ chức lãnh thổ CN. - Tạo thuận lợi hay khó khăn đối với sự phát triển CN.
<b>Kinh tế - xã hội</b>	- Quyết định sự phát triển và phân bố CN. - Thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển CN

#### 4. Công nghiệp điện tử - tin học

❖ Vai trò:

- Là 1 ngành công nghiệp trẻ, được coi là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước, đồng thời là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật của mọi quốc gia.

❖ Đặc điểm:

- Ít gây ô nhiễm môi trường.
- Không chiếm diện tích rộng
- Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước
- Yêu cầu nguồn lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

❖ Cơ cấu ngành: 4 nhóm

- Máy tính: thiết bị công nghệ, phần mềm
- Thiết bị điện tử: linh kiện điện tử, các tụ điện, các vi mạch
- Điện tử tiêu dùng: ti vi màu, cát sét, đồ chơi điện tử, đầu đĩa
- Thiết bị viễn thông: máy fax, điện thoại

❖ Đứng đầu: Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU..

#### 5. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng:

❖ Vai trò: Đáp ứng, giải quyết nhu cầu về may mặc và sinh hoạt của con người.

❖ Đặc điểm:

- Sử dụng nhiên liệu, động lực và chi phí vận tải ít.
- Chịu ảnh hưởng lớn của nhân tố lao động, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.
- Vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng tương đối ngắn, quy trình sản xuất tương đối đơn giản, thời gian hoàn vốn nhanh, lợi nhuận lớn, có khả năng xuất khẩu.

❖ Cơ cấu ngành:

- Dệt- may:
  - là 1 trong những ngành chủ đạo và quan trọng của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
  - Giải quyết nhu cầu về may mặc cho 6 tỉ người
  - 1 phần nguyên liệu cho các ngành công nghiệp nặng (cn hóa chất)

- Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ
- Được phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước đang phát triển dựa trên nguồn nguyên liệu tự nhiên và nhân tạo phong phú, nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn
- Da giày
- Nhựa, sành – sứ - thủy tinh
- ❖ Sản phẩm: quần áo, giày dép,...
- ❖ Phân bố: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...
- ⇒ Phân bố chủ yếu ở các nước trên do các nước này có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, chủ động được nguyên liệu để sản xuất
- ❖ Thị trường tiêu thụ: EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ, LB Nga, các nước Đông Âu (đạt 150 tỉ USD/1 năm)

**6. Cơ cấu ngành dịch vụ:**

Các ngành dịch vụ									
Dịch vụ công		Dịch vụ tiêu dùng				Dịch vụ kinh doanh			
Chính phủ	Các dịch vụ cá nhân khác	Dịch vụ cá nhân		Bán buôn và bán lẻ		Dịch vụ người sản xuất			Vận tải và thông tin
		Giáo dục	Y tế	Bán buôn	bán lẻ và dịch vụ nhỏ lẻ	Tài chính, bảo hiểm và bất động sản	Nghề nghiệp	Các dịch vụ kinh doanh khác	

**7. Vai trò ngành dịch vụ:**

- ❖ Thúc đẩy các ngành sx vật chất phát triển
- ❖ Sử dụng tốt hơn nguồn lao động trong nước, tạo thêm việc làm cho người dân.
- ❖ Giúp khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các di sản văn hóa, lịch sử, di tích lịch sử
- ❖ Nâng cao đời sống tinh thần của con người

**8. Vai trò của ngành giao thông vận tải:**

- ❖ Tham gia vào việc cung ứng vật tư kĩ thuật, nguyên liệu, năng lượng cho các cơ sở sản xuất và đưa sản phẩm đến thị trường tiêu thụ
- ❖ Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân
- ❖ Giúp các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương được thực hiện
- ❖ Góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế - văn hóa ở vùng núi xa xôi, củng cố tính thống nhất của nền kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng, tạo môi giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới

**9. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố ngành GTVT:**

- ❖ Điều kiện tự nhiên:
  - Vị trí địa lí: qui định sự có mặt và vai trò của 1 số loại hình vận tải

Vd: nhật, anh GTVT đường biển có vị trí quan trọng. Vùng hoang mạc khí hậu khô hạn giao thông chủ yếu bằng lạc đà, ô tô, trực thăng. Vùng Bắc Cực có nhiều tuyết, đóng băng dày nên giao thông có xe quệt, tàu phá băng, trực thăng

➤ Đại hình: ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và chia tách các công trình GTVT

Vd: núi, eo biển phải xây dựng hầm, đèo

➤ Khí hậu, thời tiết: có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hoạt động của các phương tiện vận tải

Vd: sương mù máy bay không hoạt động được

❖ Điều kiện kinh tế - xã hội:

➤ Trình độ phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định

➤ Quy định mật độ GTVT

➤ Sự phân bố và hoạt động của các loại hình GTVT

➤ Sự phân bố dân cư, các thành phố lớn và các chùm đô thị có ảnh hưởng sâu sắc đến sự vận tải hành khách, nhất là vận tải bằng ô tô

**10. Đường sắt:**

❖ Ưu điểm: vận chuyển đc các hàng nặng trên những tuyến đường xa với tốc độ nhanh, ổn định và giá rẻ.

❖ Nhược điểm: chỉ hoạt động trên các tuyến đưng cố định có đặt sẵn đường ray

**11. Đường ô tô:**

❖ Ưu điểm:

➤ Sự tiện lợi, tính cơ động và khả năng thích nghi cao với các điều kiện địa hình

➤ Có hiệu quả kinh tế cao trên các cự li vận chuyển ngắn và trung bình.

➤ Đáp ứng các yêu cầu vận chuyển đa dạng của khách hàng.

➤ Phối hợp đk với hoạt động của các loại phương tiện vận tải khác như: đường sắt, đường thủy, đường hàng không...

❖ Nhược điểm:

➤ Gây ra những vấn đề nghiêm trọng về môi trường, tiếng ồn.

➤ Dễ ách tắc và tai nạn giao thông.

➤ Khối lượng vận chuyển nhỏ, tốn xăng dầu

**12. Đường biển:**

❖ Ưu điểm:

➤ Đảm đương chủ yếu việc GTVT trên các tuyến đường quốc tế (vận tải viễn dương).

➤ Khối lượng luân chuyển hàng hóa rất lớn.

➤ Giá cả tương đối rẻ

❖ Nhược điểm:

➤ Đe dọa gây ô nhiễm biển và đại dương, nhất là vùng nước gần cảng.

➤ Phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên => dễ gây thiệt hại lớn

❖ Tại sao phần lớn các hải cảng lớn trên thế giới lại phân bố chủ yếu ở hai bờ Đại Tây Dương?

⇒ Hai bờ Đại Tây Dương ( chủ yếu là Bắc Đại Tây Dương) là hai trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới (EU và Bắc Mỹ). Các cảng ở đây vừa có hậu phương cảng rộng lớn nhất và phát triển, vừa có các vùng tiền cảng rất phát triển.

### 13. Đường hàng không:

#### ❖ Ưu điểm:

- Vận chuyển nhanh không loại phương tiện nào sánh kịp
- Đảm bảo mỗi giao lưu quốc tế
- Sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học – kĩ thuật
- Độ an toàn và tiện nghi cao

#### ❖ Nhược điểm:

- Cước phí vận tải lớn
- Trọng tải thấp
- Chi phí lớn
- Phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết
- Gây ô nhiễm môi trường- thủng tầng ô-zôn , làm tăng bệnh ung thư, đặc biệt là ung thư da

### 14. Vai trò của thương mại:

- ❖ Nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng
- ❖ Điều tiết sản xuất
- ❖ Mở rộng trao đổi hàng hóa
- ❖ Thúc đẩy sản xuất hàng hóa
- ❖ Hướng dẫn tiêu dùng
  - Nội thương:
    - Trao đổi hàng hóa dịch vụ trong 1 quốc gia có vai trò tạo ra thị trường thống nhất trong nước
    - Thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ
  - Ngoại thương:
    - Trao đổi hàng hóa dịch vụ giữa các quốc gia có vai trò:
      - Làm tăng nguồn thu ngoại tệ
      - Gắn thị trường trong nước với thế giới
      - Tăng cường quan hệ kinh tế thế giới
      - Phát huy lợi thế kinh tế của từng nước

15. **Cán cân xuất nhập khẩu:** là quan hệ so sánh giữa giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu

$$\text{CCXNK} = \text{giá trị xuất khẩu} - \text{giá trị nhập khẩu}$$

**16. Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu:**

<b>Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Nhóm nước phát triển</b>	<b>Nhóm nước đang phát triển</b>
	<b>Nhập khẩu</b>	Máy móc thiết bị hoàn chỉnh nguyên vật liệu	Sản phẩm cây công nghiệp, thủy sản, khoáng sản máy móc thiết bị hoàn chỉnh, lương thực, thực phẩm
<b>Cán cân xuất nhập khẩu</b>		<b>Xuất siêu</b>	<b>Nhập siêu</b>

**Bài tập:**

\* Cắt cứ bảng số liệu sau : Lượng khách du lịch và doanh thu du lịch của một số nước sau :

Nước	Pháp	Tây Ban nha	Hoa Kỳ	Trung Quốc
Khách du lịch đến ( Triệu người )	75	54	46	42
Doanh thu ( tỉ USD)	41	45	75	26

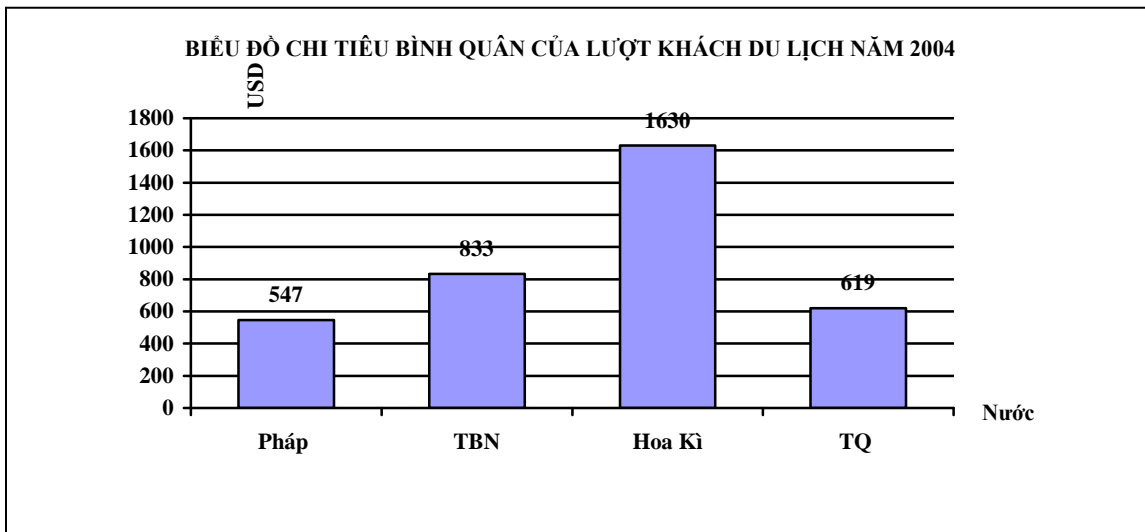
- Tính bình quân chi tiêu mỗi lượt khách du lịch ở từng nước ( đơn vị USD)
- Dựa vào kết quả đã tính, vẽ biểu đồ cột thể hiện bình quân chi tiêu mỗi lượt khách du lịch ở từng nước
- Nhận xét cần thiết

**Giải:**

a. Tính bình quân chi tiêu mỗi lượt khách du lịch ở từng nước ( đơn vị USD)

Nước	Pháp	Tây Ban nha	Hoa Kỳ	Trung Quốc
Bình quân chi tiêu ( USD)	547	833	1630	619

b. Biểu đồ cột bình quân chi tiêu của mỗi lượt khách du lịch ở từng nước



c. Nhận xét cần thiết : ( Mỗi ý 0,25)

- + Chi tiêu BQ/ lượt khách ở các nước có sự chênh lệch
- + Chi tiêu / lượt cao nhất ở Hoa Kỳ ( 1630 USD)

- + Chi tiêu / lượt thấp nhất ở Pháp ( 547 USD)
- + Chứng tỏ dịch vụ du lịch của Hoa Kỳ phát triển mạnh nhất

**Câu I (3,0 điểm)**

1. Nêu vai trò của ngành công nghiệp điện tử-tin học.
2. Vì sao ngành công nghiệp thực phẩm lại được phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước phát triển?

**Câu II (3,0 điểm)**

Hãy nêu đặc điểm của các ngành giao thông vận tải đường biển và đường hàng không.

**Câu III (3,0 điểm)**

1. Năm 2009 cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của Liên bang Nga là 88,4 tỉ USD. Tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu là 278,0 tỉ USD. Cho biết giá trị xuất khẩu hàng hóa và nêu cách tính.
2. Cho bảng số liệu sau:

**CÁC NƯỚC DẪN ĐẦU VỀ DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI, NĂM 2004**

Nước	Khách du lịch đến (triệu lượt người)	Doanh thu (Tỉ USD)
Pháp	75,1	40,8
Tây Ban Nha	53,6	45,2
Hoa Kỳ	46,1	74,5
Trung Quốc	41,8	25,7
Anh	27,7	27,3
Mê-hi-cô	20,6	10,7

Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện lượng khách du lịch và doanh thu du lịch của các nước trên.

**Câu IV (1,0 điểm)**

Theo khả năng bị hao kiệt trong quá trình sử dụng của con người, xếp nước vào loại tài nguyên có thể bị hao kiệt được không? Tại sao?

**Giải:**

**Câu I (3,0 điểm)**

1. Vai trò: Là một ngành công nghiệp trẻ, bùng nổ mạnh mẽ từ năm 1990 trở lại đây và được coi là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước, đồng thời là thước đo trình độ phát triển kinh tế- kỹ thuật của mọi quốc gia trên thế giới... (1,5đ).

2. Công nghiệp thực phẩm (1,5đ)

Công nghiệp thực phẩm thuộc ngành công nghiệp nhẹ, chủ yếu cung cấp sản phẩm như thực phẩm đã qua chế biến: sữa hộp, rượu, bia, nước ngọt, ... (0,25đ)

Các ngành này hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn cả trong và ngoài nước, nguyên liệu tại chỗ nhằm thỏa mãn nhu cầu các loại hàng hóa thông thường về ăn, uống, thay thế nhập khẩu, góp phần đẩy mạnh xuất khẩu với các ngành công nghiệp nặng. (0,5đ)



Ngành công nghiệp thực phẩm đòi hỏi vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng tương đối ngắn, quy trình sản xuất không phức tạp, thời gian hoàn vốn nhanh. (0,25đ)

Vì thế các quốc gia trên thế giới, kể cả các nước phát triển và đang phát triển đều chú trọng đẩy mạnh tùy theo thế mạnh và truyền thống của mỗi nước để đáp ứng nhu cầu cuộc sống, giải quyết việc làm, góp phần cho xuất khẩu và nâng cao thu nhập (0,5đ)

**Câu II (3,0 điểm)** Đặc điểm của đường biển và đường hàng không:

-Đường biển: (1,5đ)

-Ưu điểm: Đảm nhận phần lớn khối lượng hàng hóa quốc tế, khối lượng luân chuyển rất lớn, giá rẻ,...

-Nhược điểm: Ô nhiễm môi trường biển, chi phí xây dựng cảng nhiều,...

-Đường hàng không: (1,5đ)

-Ưu điểm: Vận tốc nhanh, không phụ thuộc vào địa hình,...

-Nhược điểm: khối lượng vận chuyển nhỏ, vốn đầu tư lớn, cước phí cao, ô nhiễm môi trường.

**Câu III (3,0 điểm)**

1. (1 điểm) Năm 2009 giá trị xuất khẩu hàng hóa là 183,2 tỉ USD; Cách tính:

Tổng xuất nhập khẩu + cán cân xuất nhập khẩu

Xuất khẩu =  $\frac{\quad}{\quad}$

2

(Áp dụng hệ phương trình bậc nhất để giải; Đặt  $x=XK; y=NK$ ; Kết quả 0,5Đ; Cách tính 0,5Đ)

**2. Vẽ biểu đồ: (2.0 điểm).** Yêu cầu học sinh vẽ đầy đủ và chính xác các cột, có tên biểu đồ, có chú thích, ghi đầy đủ các đơn vị ở trục tung và trục hoành, nếu thiếu mỗi yêu cầu trừ 0,25Đ **Câu IV (1,0 điểm)**

-Theo khả năng bị hao kiệt trong quá trình sử dụng của con người, nước được xếp vào loại tài nguyên không bị hao kiệt (0,5đ).

-Vì lượng nước trên Trái Đất rất lớn và luôn được sinh ra thường xuyên trong các vòng tuần hoàn nước đến mức con người dù sử dụng nhiều vẫn không thể làm cho chúng cạn kiệt được (0,5đ).